

Phụ lục
VỀ ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ
BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN CÁC MÔN THỂ THAO DÂN TỘC

(Kèm theo Thông tư số /2024/TT-BVHTTDL ngày tháng năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

I. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ BẢO TỒN CÁC MÔN THỂ THAO DÂN TỘC

1) Suru tầm, thu thập, thống kê:

a) Mô tả thành phần công việc

TT	Nội dung công việc	Người thực hiện
1	Xây dựng kế hoạch bảo tồn (xây dựng được kế hoạch tổng quan chương trình, quy trình dự kiến bảo tồn 01 môn thể thao dân tộc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt)	Huấn luyện viên chính (hạng II) bậc 5
2	Suru tầm, phân loại đánh giá	
-	Tổng quan (xác định nội dung suru tầm, thu thập, thống kê)	Huấn luyện viên (hạng III) bậc 6
-	Đánh giá thực trạng (thực trạng nội dung cần suru tầm, thu thập, thống kê)	
-	Nội dung chuyên môn cần suru tầm, thu thập, thống kê (suru tầm, thu thập, thống kê liên quan đến môn thể thao dân tộc)	
-	Phương thức thu thập dữ liệu	
-	Tổng hợp số liệu đã thu thập	
-	Báo cáo, tổng kết, đánh giá	
3	Tổng hợp số liệu, xây dựng đề cương lấy ý kiến chuyên gia	Huấn luyện viên (hạng III) bậc 6
4	Lấy ý kiến chuyên môn về thể thao	Huấn luyện viên (hạng III) bậc 6
5	Hoàn thiện hồ sơ trên cơ sở đã đánh giá, tiếp thu các báo cáo trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt	Huấn luyện viên (hạng III) bậc 6
6	Tổng hợp tài liệu đánh giá kết quả triển khai	Huấn luyện viên (hạng III) bậc 6
7	Xây dựng báo cáo tổng kết công tác suru tầm	Huấn luyện viên (hạng III) bậc 6

b) Bảng định mức

TT	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức hao phí
1	2	3	4
1	Nhân công		
	Lao động trực tiếp		
	Huấn luyện viên chính (hạng II) bậc 6 (24.000 phút/năm)	Công	50
	Huấn luyện viên chính (hạng II) bậc 5 (24.000 phút/năm)	Công	50
	Huấn luyện viên (hạng III) bậc 6 (36.000 phút/năm)	Công	75
	Lao động gián tiếp (tương đương 15%)	Công	26,25
2	Máy móc, thiết bị sử dụng		
-	Bộ bàn ghế ngồi làm việc	Ca	0.133
-	Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	Ca	0.133
-	Giá đựng công văn đi đến	Ca	0.133
-	Tủ đựng tài liệu	Ca	0.133
-	Máy scanner	Ca	0.133
-	Máy in	Ca	0.133
-	Máy quay camera	Ca	0.080
-	Máy chiếu	Ca	0.080
-	Máy vi tính xách tay	Ca	0.080
-	Máy ảnh kỹ thuật số	Ca	0.080
-	Ổ cứng di động	Ca	0.080
-	Máy tính bỏ túi	Ca	0.080
-	Bàn dập ghim lớn	Ca	0.080
3	Vật liệu sử dụng		
-	Quần, áo, giày chuyên dụng theo quy định của từng môn	Bộ	10
-	Giấy A4	Ram	30
-	Mực in laser A4	Hộp	05
-	Cặp đựng tài liệu	Cái	10
-	Bút bi	Cái	20
-	Thước dây	Cái	02
-	USB	Cái	05
-	Dao rọc giấy	Cái	05

2) Xây dựng luật thi đấu và tổ chức thi đấu thực nghiệm, chuẩn hóa trang thiết bị thi đấu

a) Mô tả thành phần công việc

TT	Nội dung công việc	Người thực hiện
1	Tổng hợp tài liệu, xây dựng đề cương	Huấn luyện viên (hạng III) bậc 6
2	Tổ chức hướng dẫn chuyên môn	Huấn luyện viên (hạng III) bậc 6
3	Tổ chức thi đấu thực nghiệm	Hướng dẫn viên (hạng IV) bậc 1
4	Xây dựng báo cáo tổng kết	Huấn luyện viên (hạng III) bậc 6
5	Hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền	Huấn luyện viên (hạng III) bậc 6

b) Bảng định mức

TT	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức hao phí
1	2	3	4
1	Nhân công		
	Lao động trực tiếp		
	Huấn luyện viên chính (hạng II) bậc 6 (12.000 phút/năm)	Công	25
	Huấn luyện viên chính (hạng II) bậc 5 (12.000 phút/năm)	Công	25
	Huấn luyện viên (hạng III) bậc 6 (24.000 phút/năm)	Công	50
	Hướng dẫn viên (hạng IV) bậc 1 (12.000 phút/năm)	Công	25
	Lao động gián tiếp (tương đương 15%)	Công	18.75
2	Máy móc, thiết bị sử dụng		
-	Bộ bàn ghế ngồi làm việc	Ca	0.133
-	Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	Ca	0.133
-	Giá đựng công văn đi đến	Ca	0.133
-	Tủ đựng tài liệu	Ca	0.133
-	Máy scanner	Ca	0.133
-	Máy in	Ca	0.133
-	Máy quay camera	Ca	0.080
-	Máy chiếu	Ca	0.080
-	Trang thiết bị thi đấu	Ca	0.080

TT	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức hao phí
-	Trang thiết bị chấm điểm	Ca	0.080
-	Máy tính xách tay	Ca	0.080
-	Máy ảnh kỹ thuật số	Ca	0.080
-	Ổ cứng di động	Ca	0.080
-	Máy vi tính bỏ túi	Ca	0.080
-	Bàn đập ghim lớn	Ca	0.080
3	Vật liệu sử dụng		
-	Quần, áo, giày chuyên dụng theo quy định của từng môn	Bộ	50
-	Giấy A4	Ram	30
-	Mực in laser A4	Hộp	05
-	Cặp đựng tài liệu	Cái	10
-	Bút bi	Cái	20
-	Thước dây	Cái	02
-	USB	Cái	05
-	Dao rọc giấy	Cái	05

II. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT PHÁT TRIỂN CÁC MÔN THỂ THAO DÂN TỘC

1. Mô tả thành phần công việc

TT	Nội dung công việc	Người thực hiện
1	Xây dựng kế hoạch phát triển	Huấn luyện viên (hạng III) bậc 6
2	Tổ chức phổ biến, tuyên truyền	Huấn luyện viên chính (hạng II) bậc 5
3	Tổ chức hướng dẫn chuyên môn	Huấn luyện viên (hạng III) bậc 6
4	Xây dựng hệ thống thi đấu	Huấn luyện viên chính (hạng II) bậc 5
5	Tổ chức giải thi đấu	Huấn luyện viên (hạng III) bậc 6
6	Tổng hợp đánh giá kết quả triển khai	Huấn luyện viên (hạng III) bậc 6
7	Xây dựng báo cáo tổng kết	Huấn luyện viên (hạng III) bậc 6

2. Bảng định mức

TT	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức hao phí
1	2	3	4
1	Nhân công		
	<i>Lao động trực tiếp</i>		
	Huấn luyện viên chính (hạng II) bậc 6 (12.000 phút/năm)	Công	25
	Huấn luyện viên chính (hạng II) bậc 5 (12.000 phút/năm)	Công	25
	Huấn luyện viên (hạng III) bậc 6 (24.000 phút/năm)	Công	50
	Hướng dẫn viên (hạng IV) bậc 1 (12.000 phút/năm)	Công	25
	<i>Lao động gián tiếp (tương đương 15%)</i>	Công	18.75
2	Máy móc, thiết bị sử dụng		
-	Bộ bàn ghế ngồi làm việc	Ca	0.133
-	Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	Ca	0.133
-	Giá đựng công văn đi đến	Ca	0.133
-	Tủ đựng tài liệu	Ca	0.133
-	Máy scanner	Ca	0.133
-	Máy in	Ca	0.133
-	Máy quay camera	Ca	0.080
-	Máy chiếu	Ca	0.080
-	Trang thiết bị thi đấu	Ca	0.080
-	Ổ cứng di động	Ca	0.080
-	Máy tính bỏ túi	Ca	0.080
-	Bàn dập ghim lớn	Ca	0.080
-	Trang thiết bị chấm điểm	Ca	0.080
-	Máy vi tính xách tay	Ca	0.080
-	Máy ảnh kỹ thuật số	Ca	0.080
3	Vật liệu phụ		
-	Quần, áo, giày chuyên dụng theo quy định của từng môn	Bộ	50
-	Giấy A4	Ram	30
-	Mực in laser A4	Hộp	05
-	Cập đựng tài liệu	Cái	10

TT	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức hao phí
-	Bút bi	Cái	20
-	Thước dây	Cái	02
-	USB	Cái	05
-	Dao rọc giấy	Cái	05

Ghi chú: Thời gian thực hiện nhiệm vụ đối với viên chức tham gia một chương trình sưu tầm, thu thập, thống kê số liệu để bảo tồn và phát triển các môn thể thao dân tộc tại bảng định mức là định mức tối đa, trong quá trình thực hiện tùy thuộc vào từng nhiệm vụ, lãnh đạo đơn vị sẽ quyết định thời gian cụ thể đối với từng thành viên tham gia nhưng không được vượt quá thời gian quy định tại định mức của Thông tư này.

III. CÁC CĂN CỨ CHI TẠI BẢNG ĐỊNH MỨC

1. Định mức dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về lập dự toán quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia và Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung khoản 9 Điều 3 và mẫu 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính.

2. Định mức chi hội thảo phục vụ hoạt động nghiên cứu được xây dựng và thực hiện theo các quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Định mức chi tổ chức tập huấn được thực hiện theo Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức; Thông tư số 06/2023/TT-BTC ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức; Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Định mức chi đối với các vận động viên tham gia thi đấu các môn thể thao dân tộc được thực hiện theo Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên thể thao thành tích cao, vận động viên thể thao thành tích cao.

5. Trong định mức này chưa được tính đến các giá trị phần mềm, địa điểm tổ chức thi đấu thực nghiệm, tổ chức giải, tổ chức hội nghị, tổ chức tập huấn được đầu tư cho các đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (do việc lựa chọn tùy thuộc vào yêu cầu thực tế khác nhau của từng môn thể thao dân tộc)./.

thanhnd5-11/11/2024 15:07:44-thanhnd5-thanhnd5